

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 159/2024/TLST-VLĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 85/2024/QĐST-LĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc lao động:** Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1988; địa chỉ: số E đường T, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Nguyễn Đình A, sinh năm 1991; thường trú: số A, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Công ty TNHH S; địa chỉ: Số H Đ, Khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị Hoài A1, sinh năm 1980; Địa chỉ: 2 TX24 tổ B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh- là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 28/6/2024). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 24/6/2024). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết ông Nguyễn Đình L trình bày:

Từ tháng 07/2008 đến tháng 01/2009, ông L có làm việc tại Công ty TNHH V. Địa chỉ: Lô S và 18, Khu chế xuất S, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7409231253. Nay, ông L tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của ông L bị trùng. Lý do bị trùng bảo hiểm: Anh em họ của ông L – ông Nguyễn Đình A (sử dụng thông tin của ông L – Nguyễn Đình L) giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH S khoản từ tháng 12/2008 đến tháng 5/2009.

Cùng thời gian đó, ông L giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH V đến khoảng tháng 01/2009 thì ông L nghỉ việc. Do đó, ông L bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 12/2008 đến tháng 5/2009 tương đương với thời gian ông Đình A mượn hồ sơ lao động của ông L. Vào thời điểm năm 2008, ông Đình A chưa đủ 18 tuổi nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động. Ông L và ông Đình A là anh em họ với nhau nên mới hỗ trợ ông Đình A mượn thông tin cá nhân làm hồ sơ lao động. Vì cả hai không hiểu biết về pháp luật, chỉ nghĩ đến cách tìm kế sinh nhai nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay.

Vì vậy, ông L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Đình L và Công ty TNHH S (thời gian làm việc từ tháng 12/2008 đến tháng 5/2009) là vô hiệu. Ngoài ra, ông L không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu cũng như không có yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình A trình bày:

Ông Đình A và ông Nguyễn Đình L là anh em họ. Khoảng năm 2008 ông Đình A chưa làm chứng minh nhân dân và chưa đủ tuổi để đi xin việc, do hoàn cảnh nhà nghèo, buộc phải kiếm tiền phụ giúp gia đình nên ông Đình A đã sử dụng thông tin của ông L để vào làm việc tại Công ty TNHH S và giao kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 05/2009.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi của ông L, ông Đình A đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tuyên bố Hợp đồng lao động (từ tháng 12/2008 đến tháng 05/2009) giữa ông Nguyễn Đình L và Công ty TNHH S vô hiệu. Ngoài ra, ông Đình A không có yêu cầu gì trong vụ việc này.

- Ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương (viết tắt là BHXH) trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH S cho người lao động thì Công ty TNHH S có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông Nguyễn Đình L sinh năm 1988, số CCCD 042088002792 (số CMND 280964148), với mã số BHXH 7409117280 từ tháng 12/2008 đến tháng 05/2009 tại Công ty TNHH S chưa nhận trợ cấp BHXH.

Ngoài ra ông Nguyễn Đình L còn có số sổ 7908395485 từ tháng 07/2008 đến tháng 01/2009 tại Công ty TNHH V.

Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của ông Nguyễn Đình L, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của ông Nguyễn Đình L, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của ông Nguyễn Đình L, Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S trình bày:

Theo dữ liệu Công ty TNHH S còn lưu trữ thì ông Nguyễn Đình L được nhận vào làm việc tại Công ty từ ngày 18 tháng 10 năm 2008, có mã nhân viên: C3819, Chức vụ: Công nhân dập, ký hợp đồng lao động chính thức vào ngày 18 tháng 11 năm 2008. Công ty đã trả lương và đóng BHXH theo đúng quy định, đã được cơ quan BHXH chấp nhận và cấp sổ BHXH số: 3409 M7280 Công ty đã tham gia BHXH cho ông Nguyễn Đình L từ Tháng 12/2008 đến tháng 05/2009. Tháng 06/2009 người này đã nghỉ việc tại Công ty.

Do ông L nghỉ việc đã lâu nên công ty không còn lưu giữ hồ sơ lao động của ông L. Tất cả người lao động khi xin việc tại Công ty đều phải có hồ sơ xin việc có xác nhận của chính quyền địa phương thì mới được nhận vào làm việc tại Công ty. Công ty rất đông công nhân vì vậy không thể không có sai sót trong quá trình kiểm tra hồ sơ tuyển dụng. Việc ông L cho ông Đình A mượn hồ sơ của mình để vào làm việc tại Công ty S đây là lỗi của ông L và ông Đình A. Nay ông L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Đình L và Công ty TNHH S từ tháng 12/2008 đến tháng 05/2009 vô hiệu thì Công ty không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết. Trường hợp Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu thì Công ty TNHH S không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, đồng thời không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của ông Nguyễn Đình L là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Các đương sự có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Trong thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 05/2009, người lao động tên Nguyễn Đình L sinh năm 1988, số căn cước công dân 042088002792 (số chứng minh nhân dân 280964148), được Công ty TNHH S tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7409117280, dựa trên hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH S và ông L trong thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 05/2009, hai bên ký kết hợp đồng lao động. Tuy nhiên, ông L và ông Đình A thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S và thực tế làm việc tại Công ty TNHH S trong khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 5/2009 theo hợp đồng lao động là ông Nguyễn Đình A chứ không phải ông Nguyễn Đình L do ông Đình A mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của ông L để đi làm việc. Đối với ông L trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công ty TNHH V. Do ông Đình A chưa đủ tuổi nên ông L đã cho ông Đình A mượn chứng minh nhân dân để đi làm việc. Trình bày của ông L và ông Đình A phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 07/2008 đến tháng 01/2009 ông L có quá trình tham gia BHXH tại Công ty TNHH V. Xét, việc ông Đình A lấy tên ông L để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Đình L bị trùng từ tháng 12/2008 đến tháng 5/2009. Công ty TNHH S cũng thống nhất với yêu cầu của ông Nguyễn Đình L. Do đó, ông L yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH S với bà ông Nguyễn Đình L từ tháng 12/2008 đến tháng 5/2009 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[5] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về lệ phí: Ông Nguyễn Đình L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Nguyễn Đình L.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Đình L với Công ty TNHH S thời gian làm việc từ tháng 12/2008 đến tháng 5/2009 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2/ Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông Nguyễn Đình L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0001074 ngày 19/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3/ Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4/ Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA DS TP.Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Mỹ Thanh